**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÍ LỚP 11 BÀI 9:**

**NHẬT BẢN (TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ)**

**Câu 1:**  Dân cư Nhật Bản phân bố chủ yếu ở đảo

**A.** Hô-Cai-đô. **B.** Hôn–su. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Kiu-xiu.

**Câu 2:**  Những năm 1973 – 1974 và 1979 – 1980, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm xuống nhanh, nguyên nhân chủ yếu là do

**A.** Có nhiều thiên tai. **B.** Khủng hoảng dầu mỏ thế giới.

**C.** Khủng hoảng tài chính thế giới. **D.** Cạn kiệt về tài nguyên khóng sản.

**Câu 3:** Quần đảo Nhật Bản nằm ở khu vực

**A.** Đông Á. **B.** Nam Á. **C.** Trung Á. **D.** Đông Bắc Á.

**Câu 4:**  Các ngành chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu công nghiệp của Nhật Bản hiện nay là:

**A.** Công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử, luyện kim đen, dệt.

**B.** Công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử, xây dựng và công trình công cộng, dệt.

**C.** Công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử, luyện kim màu, dệt.

**D.** Công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử, hóa chất, dệt.

**Câu 5:**  Ngành công nghiệp được xem là ngành mũi nhọn của Nhật Bản là

**A.** công nghiệp chế tạo **B.** sản xuất điện tử

**C.** xây dựng và công trình công cộng **D.** dệt

**Câu 6:**  Hãng sản xuất các sản phẩm nổi tiếng của ngành công nghiệp chế tạo ở Nhật Bản là

**A.** Toshiba **B.** Fujitsu **C.** Nipon **D.** Honda

**Câu 7:**  Việc duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng có tác dụng quan trọng nhất đối với sự phát triển kinh tế Nhật Bản vì

**A.** Giải quyết được nguồn nguyên liệu dư thừa của nông nghiệp.

**B.** Giải quyết được việc làm cho lao động ở nông thôn.

**C.** Các xí nghiệp nhỏ sẽ hỗ trợ các xí nghiệp lớn về nguyên liệu.

**D.** Phát huy được tất cả các tiềm lực kinh tế (cơ sở sản xuất, lao động, nguyên liệu,…), phù hợp với điều kiện đất nước trong giai đoạn hiện tại.

**Câu 8:**  Nhật Bản nằm trong khu vực khí hậu

**A.** gió mùa. **B.** lục địa. **C.** chí tuyến. **D.** hải dương.

**Câu 9:**  Tác động phối hợp giữa các dãy núi vòng cung với gió mùa ở Nhật Ban đã sinh ra hệ quả tự nhiên nào sau đây?

**A.**  Mưa đều quanh năm trên lãnh thổ.

**B.** Sông ngòi luôn luôn đầy ắp nước.

**C.** Lượng mưa phía Đông và phía Tây có sự đối lập nhau ngay trong 1 mùa.

**D.** Nửa năm đầu mưa nhiều trên toàn lãnh thể, nửa năm sau là mùa khô.

**Câu 10:**  Trong hoạt động của ngành dịch vụ, ngành có vị trí đặc biệt quan trọng là

**A.** Tài chính **B.** Ngân hàng **C.** Giao thông vận tải **D.** Du lịch

**Câu 11:**  Các loại khoáng sản có trữ lượng đáng kể hơn cả của Nhật Bản là

**A.** Dầu mỏ và khí đốt. **B.** Sắt và mangan. **C.** Than đá và đồng. **D.** Bôxit và apatit.

**Câu 12:**  Nhận định nào sao đây không đúng về đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản?

**A.** Địa hình chủ yếu là đồi núi.

**B.** Đồng bằng nhỏ, hẹp nằm ven biển.

**C.** Sông ngòi ngắn và dốc.

**D.** Nghèo khoáng sản nhưng than đá có trữ lượng lớn.

**Câu 13:**  Đặc tính cần cù, có tinh thần trách nhiệm rất cao, coi trọng giáo dục, ý thức đổi mới của người lao động

**A.** Là nhân tố quan trọng hàng đầu thúc đẩy nền kinh tế Nhật Bản phát triển.

**B.** Đã tạo nên sự cách biệt của người Nhật với người dân các nước khác.

**C.** Là trở ngại khi Nhật Bản hợp tác lao động với các nước khác.

**D.** Có ảnh hưởng ít nhiều đến sự phát triển kinh tế của Nhật Bản.

**Câu 14:**  Điều kiện tự nhiên của Nhật Bản tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển ngành

**A.** chăn nuôi **B.** công nghiệp khai khoáng

**C.** thủy sản **D.** thủy điện

**Câu 15:**  Nông nghiệp giữ vai trò thứ yếu trong nền kinh tế của Nhật Bản do

**A.** thiếu lao động có chuyên môn trong nông nghiệp

**B.** diện tích đất nông nghiệp ít

**C.** không được chú trọng phát triển của nhà nước

**D.** chịu tác động của thiên tai.

**Câu 16:**  Sản phẩm nào không thuộc ngành công nghiệp chế tạo ở Nhật Bản:

**A.** Tàu biển. **B.** Ô tô.

**C.** Xe gắn máy. **D.** Vật liệu truyền thống.

**Câu 17:**  Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Kiu-xiu là

**A.** Phát triển mạnh khai thác than và luyện thép.

**B.** Phát triển mạnh khai thác quặng đồng và luyện kim màu.

**C.** Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.

**D.** Có thành phố lớn là Ô-xa-ca và Cô-bê.

**Câu 18:**  Nền nông nghiệp của Nhật Bản có đặc trưng nổi bật là

**A.** Tự cung, tự cấp.

**B.** Thâm canh, chú trọng năng suất và sản lượng.

**C.** Quy mô lớn.

**D.** Sản xuất chủ yếu phục vụ xuất khẩu.

**Câu 19:**  Hai ngành có vai trò hết sức to lớn trong ngành dịch vụ của Nhật Bản là

**A.** thương mại và du lịch. **B.** du lịch và tài chính.

**C.** thương mại và tài chính. **D.** tài chính và giao thông biển.

**Câu 20:**  Đảo có diện tích nhỏ nhất trong nhóm 4 đảo lớn Nhật Bản là

**A.** Hô-Cai-đô. **B.** Hôn–su. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Kiu-xiu.

**Câu 21:**  Nhật Bản tập trung vào các ngành công nghiệp đòi hỏi kĩ thuật cao là do

**A.** Có nguồn lao động dồi dào.

**B.** Hạn chế sử dụng nhiều nguyên liệu, lợi nhuận cao.

**C.** Không có khả năng nhập khẩu các sản phẩm chất lượng cao.

**D.** Có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.

**Câu 22:**  Biện pháp nào đã không được Nhật Bản áp dụng từ sau năm 1980 để khắc phục hậu quả của nền kinh tế suy thoái:

**A.** Xây dựng các ngành công nghiệp tri thức.

**B.** Hạn chế đầu tư ra nước ngoài.

**C.** Đầu tư phát triển khoa học kĩ thuật và công nghệ.

**D.** Khôi phục và phát triển những ngành công nghiệp truyền thống.

**Câu 23:**  Chiến lược kinh tế mới của Nhật sau năm 1973 có nội dung nào 6au đây?

**A.** Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ.

**B.** Tập trung xây dựng các ngành công nghiệp có hàm lượng chất  j xám cao.

**C.** Đẩy mạnh đẩu tư ra nước ngoài, tổ chức lại sản xuất.

**D.** Tất cả nội dung trên đúng.

**Câu 24:**  Sự già hoá dân số Nhật Bản gây sức ép

**A.** thừa nguồn lao động. **B.** giáo dục.

**C.** chi phí phúc lợi xã hội cao. **D.** thất nghiệp.

**Câu 25:**  Đảo nào sau đây của Nhật Bản có ít nhất các trung tâm công nghiệp?

**A.** Hôn-su. **B.** Hô-cai-đô. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Kiu-xiu

**Câu 26:**  Sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản là do áp dụng biện pháp

**A.** duy trì cơ cấu kinh tế 2 tầng.

**B.** tập trung vào tất cả các ngành công nghiệp.

**C.** tự nghiên cứu khoa học ứng dụng vào sản xuất.

**D.** khai thác triệt để các tài nguyên trong nước.

**Câu 27:**  Nền kinh tế của Nhật Bản bị suy giảm ở những năm của thập niên 70 là do

**A.** ảnh hưởng của thị trường thế giới về giá cả của sản phẩm.

**B.** ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng dầu mỏ.

**C.** khủng hoảng của nền kinh tế "bong bóng".

**D.** sự cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 28:**  Từ năm 1950 đến năm 2014, dân số Nhật Bản có sự biến động theo hướng

**A.** Tỉ lệ người dưới 15 tuổi giảm nhanh. **B.** Số dân tăng lên nhanh chóng.

**C.** Tỉ lệ người từ 15 – 64 không thay đổi. **D.** Tỉ lệ người 65 tuổi trở lên giảm chậm.

**Câu 29:**  Một trong những đặc trưng nổi bật của người lao động Nhật Bản là

**A.** Không có tinh thần đoàn kết.

**B.** Ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm rất cao.

**C.** Trình độ công nghệ thông tin đứng đầu thế giới.

**D.** Năng động nhưng không cần cù.

**Câu 30:**  Phía Đông Nhật Bản tiếp giáp với

**A.** Liên Bang Nga. **B.** Thái Bình Dương.

**C.** Bán đảo Triều Tiên. **D.** Khu vực Đông Nam Á.

**Câu 31:**  Sản xuất nông nghiệp ở Nhật Bản hoàn toàn phát triển theo hướng thâm canh vì

**A.** Đất nông nghiệp quá ít, không có khả năng mở rộng.

**B.** Sản xuất thâm canh có chi phí cao.

**C.** Sản xuất thâm canh mang lại nhiều lợi nhuận mà chi phí lại thấp.

**D.** Nhật Bản thiếu lao động, sản xuất thâm canh sẽ sử dụng ít lao động hơn quảng canh.

**Câu 32:**  Năng suất lao động xã hội ở Nhật Bản cao là do người lao động Nhật Bản

**A.** Luôn độc lập suy nghĩ và sáng tạo trong lao động.

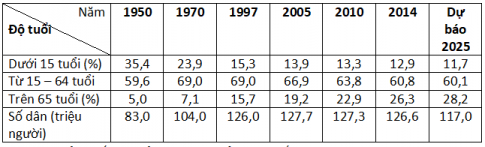
**B.** Làm việc tích cực vì sự hùng mạnh của đất nước.

**C.** Thường xuyên làm việc tăng ca và tăng cường độ lao động.

###### **D.** Làm việc tích cực, tự giác, tinh thần trách nhiệm cao.

Cho bảng số liệu:

Cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản qua các năm



Dựa vào bảng số liệu, trả lời các câu hỏi từ 6 đến 8:

**Câu 33:**  Sự hiện diện của dòng biển lạnh Ô-ya-si-vô và dòng biển nóng Cư-rô-si-vô ở Nhật Bản mang lại lợi ích nào sau đây?

**A.** Biển Nhật Bản có nhiều ngư trường lớn.

**B.** Biển Nhật Bản ít bị đóng băng vào mùa đông,

**C.** Thuận lợi cho giao thông Bắc Nam.

**D.** Các hệ quả trên đều đúng

**Câu 34:**  Hạn chế lớn nhất trong phát triển công nghiệp Nhật Bản là

**A.** thị trường bị thu hẹp. **B.** thiếu nguồn vốn đầu tư.

**C.** khoa học chậm đổi mới. **D.** thiếu nguyên, nhiên liệu bên ngoài.

**Câu 35:**  So với thế giới, giá trị sản lượng công nghiệp của Nhật Bản đứng thứ 2 sau:

**A.** Hoa Kỳ. **B.** Đức. **C.** Trung Quốc. **D.** Pháp.

**Câu 36:**  Cho bảng số liệu:

Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản qua các năm

(Đơn vị: %)

https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/anh2_10.png?itok=3z6CdZfq

Nhận xét nào sau đây là đúng?

**A.** Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giảm liên tục.

**B.** Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản cao hàng đầu thế giới.

**C.** Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản không ổn định.

**D.** Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản thấp và hầu như không biến động.

**Câu 37:**  Ý nào sau đây không đúng với sản xuất lúa gạo ở Nhật Bản?

**A.** Là cây trồng chính của nông nghiệp Nhật Bản.

**B.** Chiếm 50% diện tích đất canh tác.

**C.** Một số diện tích trồng lúa chuyển sang trồng các cây khác.

**D.** Sản lượng lúa đứng hàng đầu thế giới.

**Câu 38:**  Ý nào sau đây không đúng với ngành dịch vụ vủa Nhật Bản?

**A.** Chiếm tỉ trọng GDP lớn.

**B.** Thương mại và tài chính có vai trò hết sức to lớn.

**C.** NHẬT BẢN đứng hàng đầu thế giới về thương mại.

**D.** Hoạt động đầu tư ra nước ngoài ít được coi trọng.

**Câu 39:**  Hai ngành công nghiệp Nhật Bản nào sau đây được xếp hàng 1 đầu thế giới hiện nay?

**A.** Dệt và công nghệ thực phẩm.

**B.** Vật liệu truyền thông và điện tử vi mạch, bán dẫn.

**C.** Luyện kim và hàng không vũ trụ.

**D.** Lọc dầu và điện nguyên tử.

**Câu 40:**  Đặc điểm nổi bật của dân cư Nhật Bản là

**A.** Quy mô không lớn. **B.** Tập trung chủ yếu ở miền núi.

**C.** Tốc độ gia tăng dân số cao. **D.** Dân số già.

**Câu 41:**  Ý nào sao đây là giải pháp để khắc phục già hóa dân số ở Nhật Bản?

**A.** Xuất khẩu lao động. **B.** Khuyến khích sinh.

**C.** Tăng giờ làm việc và tuổi về hưu. **D.** Tăng trợ cấp người già.

**Câu 42:**  Mùa đông đỡ lạnh, mùa hạ đỡ nóng, thường có mưa to và bão là đặc điểm khí hậu của

**A.** Đảo Hô-cai-đô. **B.** Đảo Kiu-xiu.

**C.** Đảo Hôn-su. **D.** Các đảo nhỏ phía bắc Nhật Bản.

**Câu 43:**  Các trung tâm công nghiệp lớn của Nhật Bản tập trung chủ yếu trên đảo

**A.** Hôn-su. **B.** Hô-cai-đô. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Kiu-xiu.

**Câu 44:**  Nhận định nào sao đây không đúng về tình hình dân số của Nhật Bản?

**A.** Có dân số đông. **B.** Tốc độ gia tăng dân số nhanh.

**C.** Tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn. **D.** Tỉ lệ trẻ em đang giảm dần.

**Câu 45:**  Ý nào sau đây không đúng với khí hậu của Nhật Bản?

**A.** Lượng mưa tương đối cao. **B.** Thay đổi từ bắc xuống nam.

**C.** Có sự khác nhau theo mùa. **D.** Chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

**Câu 46:**  Nông nghiệp đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế là đặc điểm của vùng

**A.** Hôn-su. **B.** Kiu-xiu. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Hô-cai-đô.

**Câu 47:**  Phân bố các vùng, các trung tâm công nghiệp của Nhật Bản tập trung nhất ở đảo

**A.** Hôn-su **B.** Hô-cai-đô **C.** Kiu-xiu **D.** Xi-cô-cư

**Câu 48:**  Đồng bằng ở Nhật Bản có đặc điểm

**A.** Nhỏ hẹp nhưng màu mỡ **B.** Nhỏ hẹp và đất xấu.

**C.** Rộng lớn và đất trồng thì ít **D.** Rộng lớn và phì nhiêu.

**Câu 49:**  Sông ngòi Nhật Bản có giá trị về

**A.** giao thông đường thủy nội địa. **B.** phát triển du lịch.

**C.** thủy điện. **D.** thủy sản.

**Câu 50:**  Nông nghiệp chỉ giữ vai trò thứ yếu trong nền kinh tế NHẬT BẢN là do

**A.** Nhật Bản ưu tiên phát triển thương mại, tài chính.

**B.** Nhật Bản tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp.

**C.** Diện tích đất nông nghiệp quá ít.

**D.** Nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp có lợi thế hơn sản xuất.

**Câu 51:**  Công nghiệp của Nhật Bản tập trung chủ yếu ở phía nam đảo Hôn-su, ven Thái Bình Dương vì

**A.** Ở đây có khí hậu lạnh, dễ bảo quản sản phẩm.

**B.** Tiện cho việc nhập nguyên liệu và trao đổi sản phẩm với các nước.

**C.** Tập trung nguồn khoáng sản dồi dào.

**D.** Thuận lợi cho việc trao đổi sản phẩm với các nước châu Á đất liền.

**Câu 52:**  Cây trồng chính của Nhật Bản là

**A.** Lúa mì. **B.** Chè. **C.** Lúa gạo. **D.** Thuốc lá.

**Câu 53:**  Diện tích trồng lúa của Nhật Bản ngày càng giảm không phải do

**A.** Diện tích dành cho trồng chè, thuốc lá, dâu tằm tăng lên.

**B.** Một phần diện tích trồng lúa dành cho quần cư.

**C.** Mức tiêu thụ gạo trên đầu người giảm và năng suất lúa ngày càng cao.

**D.** Nhật Bản có xu hướng nhập khẩu gạo từ bên ngoài.

**Câu 54:** Đảo chiếm 61% tổng diện tích đất nước Nhật Bản là

**A.** Hô-cai-đô. **B.** Hôn-su. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Kiu-xiu.

**Câu 55:**  Vật nuôi chính của Nhật Bản là

**A.** Trâu, cừu, ngựa. **B.** Bò, dê, lợn.

**C.** Trâu, bò, lợn. **D.** Bò, lợn, gà.

**Câu 56:**  Bốn đảo lớn nhất của Nhật Bản theo thứ tự từ bắc xuống nam là

**A.** Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu. **B.** Hôn-su, Hô-cai-đô, Kiu-xiu, Xi-cô-cư.

**C.** Kiu-xiu, Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư. **D.** Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.

**Câu 57:**  Đảo nào sau đây của Nhật Bản nằm trong khu vực có kiểu khí hậu cận nhiệt ẩm?

**A.** Xi-cô-cư. **B.** Hô-cai-đô. **C.** Hôn-su **D.** Sa-đô.

**Câu 58:**  Ý nào sau đây không đúng về đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hôn-su?

**A.** Diện tích rộng nhất, số dân đông nhất.

**B.** Nông nghiệp đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế.

**C.** Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.

**D.** Các trung tâm công nghiệp rất lớn tập trung ở phần phía nam.

**Câu 59:**  Hiện nay về kinh tế, khoa học, kĩ thuật và tài chính Nhật được xếp thứ mấy sau các nước là

**A.** Hoa Kì. **B.** Hoa Kì - Trung Quốc.

**C.** Trung Quốc. **D.** Hoa Kì - LB Nga.

**Câu 60:**  Phía Nam lãnh thổ Nhật Bản thuộc đới khí hậu

**A.** xích đạo. **B.** ôn đới. **C.** nhiệt đới. **D.** cận nhiệt đới.

**Câu 61:**  Vùng có rừng bao phủ phần lớn diện tích và dân cư thưa thớt là

**A.** Hôn-su. **B.** Kiu-xiu. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Hô-cai-đô.

**Câu 62:**  Ý nào dưới đây không đúng với đặc điểm nền công nghiệp Icủa Nhật Bản?

**A.** Phụ thuộc nguyên liệu - năng lượng thê giới nên khó ổn đnh.

**B.** Cơ cấu công nghiệp chĩ tập trung phát triển các ngành có ưu thê.

**C.** Nền công nghiệp hiện đại đủ các ngành kể cả các ngành thiêu I điều kiện trong nước.

**D.** Chú trọng sử dụng các thành tựu khoa học và cải tiến kĩ thuật trong sản xuất.

**Câu 63:**  Trong ngành nông nghiệp, loại cây trồng chiếm diện tích canh tác lớn nhất ở Nhật Bản là

**A.** chè **B.** dâu tằm **C.** lúa gạo **D.** thuốc lá

**Câu 64:**  Hai đảo không thuộc chủ quyền của Nhật Bản nằm cận phía Bắc và phía Nam Nhật Bản là

**A.** Ni-si-nô-si-ma, Sa-đô. **B.** Cu-rin, đảo Đài Loan,

**C.** Ta-nê-đa, Đối Mã. **D.** Ta-ba-ra, Ô-ky-na-oa.

**Câu 65:**  Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho nền kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng cao từ năm 1950 đến năm 1973?

**A.** Chú trọng đầu tư hiện đại hóa nông nghiệp, hạn chế vốn đầu tư.

**B.** Tập trung cao độ và phát triển các ngành then chốt, có trọng điểm theo từng giai đoạn và duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng.

**C.** Tập trung phát triển các xí nghiệp lớn, giảm và bỏ hẳn những tổ chức sản xuấ nhỏ, thủ công.

**D.** Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nặng, phát triển nhanh các ngành cần đến khoáng sản.

**Câu 66:**  Trong cơ cấu GDP của Nhật Bản, ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất là

**A.** công nghiệp. **B.** nông nghiệp.

**C.** dịch vụ. **D.** công nghiệp điện tử - chế tạo.

**Câu 67:**  Hoạt động đánh bắt hải sản ở Nhật Bản phát triển rộng khắp là do

**A.** nguồn lao động dồi dào **B.** kĩ thuật đánh bắt hiện đại

**C.** người dân có truyền thống đánh bắt lâu đời **D.** vùng biển rộng lớn, trữ lượng dồi dào

**Câu 68:**  Vùng nào sau đây tập trung công nghiệp nhất của Nhật Bản?

**A.** Tây Nam đảo Hôn-su. **B.** Tây Bắc đảo Hôn-su.

**C.**  Đông Nam đảo Hôn-su. **D.** Trung tâm đảo Kiu-xiu.

**Câu 69:**  Hiện nay , nền kinh tế Nhật Bản đứng thứ ba trên thế giới về GDP sau Hoa Kì và

**A.** Ấn Độ. **B.** Liên bang Nga. **C.** Trung Quốc. **D.** Anh.

**Câu 70:**  Hãng sản xuất các sản phẩm nổi tiếng của ngành công nghiệp sản xuất điện tử ở Nhật Bản không phải là

**A.** Toshiba **B.** Nipon **C.** Mitsubisi **D.** Electric

**Câu 71:**  Khó khắn lớn nhất về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản là

**A.** Bờ biển dài, nhiều vũng vịnh.

**B.** Khí hậu phân hóa rõ rệt từ bắc xuống nam.

**C.** Nghèo khoáng sản.

**D.** Nhiều đảo lớn, nhỏ nhưng nằm cách xa nhau.

**Câu 72:**  Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Nhật Bản tập trung nhiều nhất ở đảo nào sau đây?

**A.** Hôn-su. **B.** Hô-cai-đô. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Kiu-xiu.

**Câu 73:**  Đảo nằm ở phía bắc của Nhật Bản là

**A.** Hôn-su. **B.** Hô-cai-đô. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Kiu-xiu.

**Câu 74:**  Các trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc vùng kinh tế Hôn-su?

**A.** Ô-xa-ca, Cô-bê, Xa-pô-rô. **B.** Ô-xa-ca, Cô-bê, Mu-rô-ran.

**C.** Ô-xa-ca, Cô-bê, Ki-ô-tô. **D.** Ô-xa-ca, Cô-bê, Na-ga-xa-ki.

**Câu 75:**  Ý nào sau đây không đúng về dân cư Nhật Bản?

**A.** Là nước đông dân.

**B.** Phần lớn dân cư tập trung ở các thành phố ven biển.

**C.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao.

**D.** Dân số già.

**Câu 76:**  Mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết là đặc điểm khí hậu của

**A.** Phía bắc Nhật Bản. **B.** Phía nam Nhật Bản.

**C.** Khu vực trung tâm Nhật Bản. **D.** Ven biển Nhật Bản.

**Câu 77:**  Những năm 1973 - 1974 và 1979 - 1980 tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm sút mạnh là do

**A.** khủng hoảng tài chính trên thế giới. **B.** khủng hoảng dầu mỏ trên thế giới.

**C.** sức mua thị trường trong nước giảm. **D.** thiên tai động đất, sóng thần xảy ra nhiều.

**Câu 78:**  Các hải cảng lớn của Nhật Bản là:

**A.** Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô, Ha-chi-nô-hê. **B.** Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô, Na-ga-xa-ki.

**C.** Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô, Ô-xa-ca. **D.** Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô, Cô-chi.

**Câu 79:**  Đánh bắt hải sản được coi là ngành quan trọng của Nhật Bản vì

**A.** Nhật Bản được bao bọc bởi biển và đại dương, gần các ngư trường lớn và cá là thực phẩm chính.

**B.** Ngành này cần vốn đầu tư ít, năng suất và hiệu quả cao.

**C.** Nhu cầu lớn về nguyên liệu cho chế biến thực phẩm.

**D.** Ngành này không đòi hỏi cao về trình độ.

**Câu 80:**  Biểu hiện hứng tỏ Nhật Bản là nước có nền công nghiệp phát triển cao là

**A.** Sản phẩm công nghiệp đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong nước.

**B.** Hằng năm xuất khẩu nhiều sản phẩm công nghiệp.

**C.** Giá trị sản lượng công nghiệp đứng thứ hai thế giới, nhiều ngành công nghiệp có vị trí cao trên thế giới.

**D.** Có tới 80% lao động hoạt động trong ngànhcông nghiệp.

**Câu 81:**  Biển Nhật Bản có nguồn hải sản phong phú là do

**A.** Có nhiều bão, sóng thần. **B.** Có diện tích rộng nhất.

**C.** Nằm ở vùng vĩ độ cao nên có nhiệt độ cao. **D.** Có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.

**Câu 82:**  Các cảng biển lớn của Nhật Bản là Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô,… nằm trên đảo

**A.** Hôn-su. **B.** Hô-cai-đô. **C.** Xi-cô-cư. **D.** Kiu-xiu.

**Câu 83:**  Hoạt động đánh bắt thủy sản của Nhật phát triển mạnh là do

**A.** bờ biển khúc khủy, nhiều vũng vịnh

**B.** vùng biển nhiệt đới rộng lớn

**C.** có ngư trường cá lớn ngoài khơi phía đông Tôkiô

**D.** người dân có nhiều kinh nghiệm đánh bắt

**Câu 84:**  Các trung tâm công nghiệp Tôkiô, Iôcôhama, Côbê nằm trên đảo

**A.** Kiuxiu **B.** Xicôcư **C.** Hônsu **D.** Hôcaiđô

**Câu 85:**  Vùng nuôi bò nổi tiếng của Nhật Bản là

**A.** Ôxaca **B.** Kiôtô **C.** Côchi **D.** Côbê

**Câu 86:**  Đồng bằng lớn nhất có hoạt động nông nghiêp phát trien nhât của Nhật có tên là

**A.** I-si-ha-ri. **B.** Tô-y-ô-ha-si. **C.** Si-na-nô. **D.** Tô-ki-ô.

**Câu 87:**  Trừ ngành dệt truyền thống, tất cả các ngành công nghiệp nổi tiếng của Nhật Bản đều hướng vào

**A.** Tận dụng tối đa sức lao động.

**B.** Tận dụng nguồn nguyên liệu trong nước.

**C.** Kĩ thuật cao.

**D.** Tạo ra nhiều sản phẩm tiêu dùng phục vụ nhu cầu trong nước.

**Câu 88:**  Các sản phẩm nổi bật về ngành công nghiệp chế tạo của Nhật Bản trên thế giới là:

**A.** Tàu biển, ô tô, sản phẩm tin học **B.** Xe gắn máy, ô tô, rôbôt

**C.** Tàu biển, ô tô, rôbôt **D.** Tàu biển, ô tô, xe gắn máy

**Câu 89:**  Nhận xét không đúng về ngành nông nghiệp của Nhật Bản là

**A.** phát triển theo hướng thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học.

**B.** tăng diện tích gieo trồng lúa, đáp ứng nhu cầu của dân số đông

**C.** sản phẩm đánh bắt hải sản đáp ứng phần lớn nhu cầu của người dân.

**D.** chăn nuôi theo các phương pháp tiên tiến trong các trang trại.

**Câu 90:**  Ở Nhật Bản, ngành công nghiệp dệt là

**A.** ngành công nghiệp chủ lực.

**B.** ngành khởi nguồn của công nghiệp ở thế kỉ XIX.

**C.** ngành luôn chiếm tỉ trọng cao trong công nghiệp.

**D.** ngành chỉ phát triển trong thế kỷ XIX.

**Câu 91:**  Ngành vận tải biển của Nhật Bản phát triển mạnh là do

**A.** Vị trí địa lí và đặc điểm lãnh thổ. **B.** Công nghiệp cơ khí phát triển từ lâu đời.

**C.** Số dân đông, nhu cầu giao lưu lớn. **D.** Ngành đánh bắt hải sản phát triển.

**Câu 92:**  Yếu tố vị trí địa lí và lãnh thổ giúp Nhật Bản phát triển mạnh loại hình giao thông vận tải nào sau đây?

**A.** Đường ống. **B.** Đường sắt. **C.** Đường ô tô. **D.** Đường biển.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | B | 21 | B | 41 | B | 61 | D | 81 | D |
| 2 | B | 22 | B | 42 | B | 62 | B | 82 | A |
| 3 | A | 23 | D | 43 | A | 63 | C | 83 | C |
| 4 | B | 24 | C | 44 | B | 64 | D | 84 | C |
| 5 | B | 25 | B | 45 | D | 65 | B | 85 | D |
| 6 | D | 26 | A | 46 | C | 66 | C | 86 | B |
| 7 | D | 27 | C | 47 | A | 67 | D | 87 | C |
| 8 | A | 28 | A | 48 | A | 68 | C | 88 | D |
| 9 | C | 29 | B | 49 | C | 69 | C | 89 | B |
| 10 | C | 30 | B | 50 | C | 70 | C | 90 | B |
| 11 | C | 31 | A | 51 | B | 71 | C | 91 | A |
| 12 | D | 32 | D | 52 | C | 72 | A | 92 | D |
| 13 | A | 33 | D | 53 | D | 73 | B |  |  |
| 14 | C | 34 | D | 54 | B | 74 | C |  |  |
| 15 | B | 35 | A | 55 | D | 75 | C |  |  |
| 16 | D | 36 | C | 56 | A | 76 | A |  |  |
| 17 | A | 37 | D | 57 | A | 77 | B |  |  |
| 18 | B | 38 | D | 58 | B | 78 | C |  |  |
| 19 | C | 39 | B | 59 | A | 79 | A |  |  |
| 20 | D | 40 | D | 60 | D | 80 | C |  |  |